



Korea Copper Tech VIETNAM Limited Company







### Tiêu chí của KCT:

- Úng dụng công nghệ mới nhằm tăng năng suất, giảm điện năng tiêu thụ và sử dụng phần mềm quản lý ERP để nâng cao chất lượng quản lý quy trình.
- Hướng tới sản xuất tuần hoàn khép kín, tận dụng tối đa nguồn nguyên vật liệu và phụ liệu.





Công ty TNHH Đồng kỹ thuật Korea Việt Nam (KCT) được thành lập năm 2007. Công ty chúng tôi cung cấp đa dạng các sản phẩm phục vụ cho các ngành nghề liên quan đến cáp điện, tủ điện, thiết bị điện công nghiệp và dân dụng, như: Dây điện từ, dây đồng tròn và đồng thanh các loại. Từ năm 2019 đến nay, KCT không ngừng đầu tư nâng cấp dây chuyền máy móc hiên đai, áp dung công nghê mới nhằm nâng cao sản lượng, chất lượng sản phẩm và thân thiện với môi trường. Với tiêu chí không ngừng nỗ lực cải tiến về sản phẩm và quy trình quản lý, sản xuất nhằm đáp ứng các tiêu chuẩn khắt khe nhất thế giới, đến nay, sản phẩm của KCT đã được tin dùng rông rãi bởi các đối tác lớn trong và ngoài nước cũng như thi trường dân dụng Việt Nam.



# Máy chính cho sản xuất dây điện từ

Máy tráng đứng loại 6 dây/1 đường; Đường kính dây từ 0.7~1.6mm

Máy tráng đứng loại 4 dây/1 đường; Đường kính dây từ 1.20~2.50mm

Máy tráng nằm. đường kính dây từ 0.08~1.20mm

Hệ thống đúc kéo dây đồng không chứa oxy liên tục; Đường kinh dây từ 12.5~20mm

Máy cán kéo đồng 1 dây liên tục 2 trục

Máy kéo và máy ủ











# I CÔNG SUẤT SẢN XUẤT

Dây điện từ các loại **UEW | PEW | EIW | AIW | EI-AIW | EI-AIW-SL** Sản lượng tháng **1,000** tấn Sản lượng năm **12,000** tấn

# DÂY CHUYỀN TRÁNG ĐỨNG

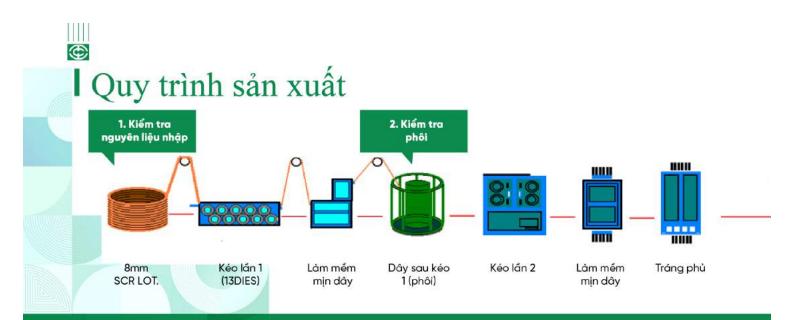


# l Dây chuyền sản xuất



Œ

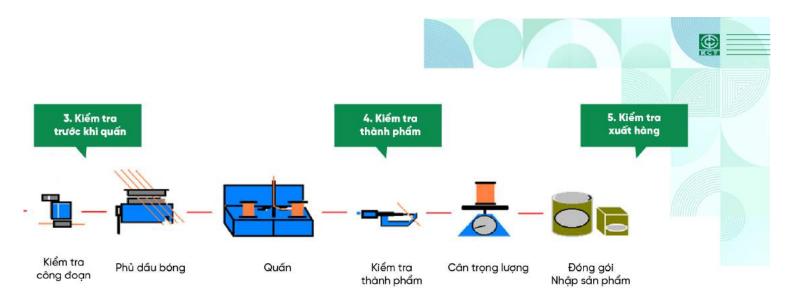
6





## Dây điện từ/Dây đồng không oxy có độ dẫn điện cao



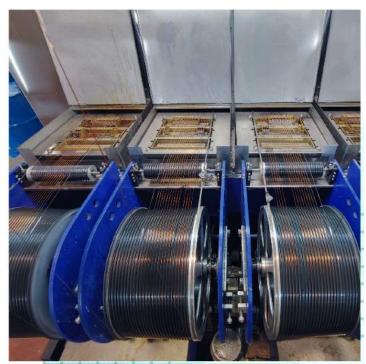






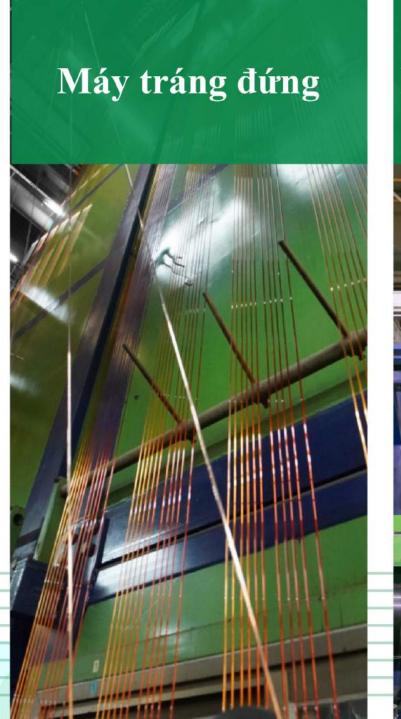
# Hệ thống tráng, thu/cuộn dây nằm ngang







IK C TKorea Copper Tech VIETNAM Limited Company



# Lò sấy nằm ngang



¢





# CERTIFICATE OF REGISTRATION

This is to certify that:

# KOREA COPPER TECH VIETNAM CO., LTD.

Dong Van I Industrial Park, Dong Van Ward, Duy Tien Town, Ha Nam Province, Vietnam

#### operates a

#### **ENVIRONMENTAL MANAGEMENT SYSTEM**

which complies with the requirements of

#### ISO 14001:2015

for the following scope

Manufacture of Copper Products such as Enameled Copper Wire, Copper Bus-Bar, Copper Rod, Rectangular Copper Wire, Enameled Rectangular Copper Wire Certificate Number: EMS41243

Originally Certified: 14 March 2018

Current Certification: 12 March 2024

Issue Date: 12 March 2024

Expiry Date: 13 March 2027



ISO 14001 WWW.JAS-ANZ.ORG/REGISTER

Calin Moldovean President, Business Assurance

SAI Global Certification Services Pty. Ltd. 650 Lorimer Street Port Melbourne Victoria 3207 Australia

#### Registered by:

SA Global Certification Services Pty Ltd (ACN 108 716 669) 650 Lorimer Street Port Melbourne VIC 3207 Australia with SAI Global Pty Limited 650 Lorimer Street Port Melbourne VIC 3207 Australia ("SAI Global") and subject to the SAI Global Terms and Conditions for Certification. While all due care and skill was exercised in carrying out this assessment, SAI Global accepts responsibility only for proven negligence. This certificate remains the property of SAI Global and must be returned to SAI Global upon its request. To verify that this certificate is current please refer to SAI Global On-Line Certification register at <u>http://register.saiglobal.com/</u>





¢

# CERTIFICATE OF REGISTRATION

This is to certify that:

# KOREA COPPER TECH VIETNAM CO., LTD.

Dong Van I Industrial Park, Dong Van Ward, Duy Tien Town, Ha Nam Province, Vietnam

operates a

#### QUALITY MANAGEMENT SYSTEM

which complies with the requirements of

#### ISO 9001:2015

for the following scope

Manufacture of Copper Products such as Enameled Copper Wire, Copper Bus-Bar, Copper Rod, Rectangular Copper Wire, Enameled Rectangular Copper Wire Certificate Number: QMS42676

**Originally Certified:** 02 April 2018

Current Certification: 12 March 2024

Issue Date: 12 March 2024

Expiry Date: 01 April 2027



Calin Moldovean President, Business Assurance

SAI Global Certification Services Pty. Ltd. 650 Lorimer Street Port Melbourne Victoria 3207 Australia

#### **Registered by:**

SAI Global Certification Services Pty Ltd (ACN 108 716 669) 650 Lorimer Street Port Melbourne VIC 3207 Australia with SAI Global Pty Limited 650 Lorimer Street Port Melbourne VIC 3207 Australia ("SAI Global") and subject to the SAI Global Terms and Conditions for Certification. While all due care and skill was exercised in carrying out this assessment, SAI Global accepts responsibility only for proven negligence. This certificate remains the property of SAI Global and must be returned to SAI Global upon its request. To verify that this certificate is current please refer to SAI Global On-Line Certification register at <a href="http://register-saiglobal.com/">http://register-saiglobal.com/</a>







This is to certify that:

## KOREA COPPER TECH VIETNAM CO., LTD.

Dong Van Industrial Zone Duy Tien district Ha Nam Province Vietnam

operates an

#### **OCCUPATIONAL HEALTH & SAFETY MANAGEMENT SYSTEM**

which complies with the requirements of

ISO 45001:2018 Occupational health and safety management systems --Requirements with guidance for use

for the following scope

Manufacture of Copper Products such as Enameled Copper Wire, Copper Bus-Bar, Copper Rod, Rectangular Copper Wire, Enameled Rectangular Copper Wire

#### Certificate No: HSM41965

Issued: 4 April 2022 Expires: 3 April 2025 Originally Certified: 4 April 2022 Current Certification: 4 April 2022

Calin Moldovean President, Business Assurance SAI Global Assurance



#### Registered by:

Registered by: SAI Global Certification Services Pty Ltd (ACN 108 716 669) 680 George Street Sydney NSW 2000 Australia with SAI Global Pty Limited 680 George Street Sydney NSW 2000 Australia ("SAI Global") and subject to the SAI Global Terms and Conditions for Certification. While all due care and skill was exercised in carrying out this assessment, SAI Global accepts responsibility only for proven negligence. This certificate remains the property of SAI Global and must be returned to SAI Global upon its request. To verify that this certificate is current please refer to SAI Global On-Line Certification register at http://register.saiglobal.com/









### BẢNG TIÊU CHUẨN SẢN PHẨM DÂY ĐỒNG TRÒN TRÁNG MEN PEW, EIW, AIW, EI-AIW LOẠI 1

K Ruột dẫn	Sai số ĐK ruột	ĐK ngoài (mm)		Độ dày lớp mạ	Điện áp đánh	Dãn dài Min. (%)	Tải trọng mài mòn N		Điện trở ở 20°C
(mm)	(mm)	Min.	Max.	Min. (mm)	thủng Min. (V)		Avg	Min	<b>Max. (</b> Ω/km)
0.10	± 0.008	0.118	0.140	0.009	2000	15.0	-	S ZZZ W WILLIN	2647
0.11	± 0.008	0.128	0.150	0.009	2000	15.0	-	-	2153
0.12	± 0.008	0.140	0.162	0.010	2200	15.0	-	_	1786
0.13	± 0.008	0.150	0.172	0.010	2200	15.0	_	_	1505
0.14	± 0.008	0.160	0.182	0.010	2200	15.0	_	_	1286
0.15	± 0.008	0.170	0.192	0.010	2200	15.0	_	_	1111
0.16	± 0.008	0.182	0.204	0.011	2200	15.0	_	_	969.5
0.17	± 0.008	0.192	0.214	0.011	2200	15.0	_	_	853.5
0.18	± 0.008	0.204	0.226	0.012	2400	15.0	_	_	757.2
0.19	± 0.008	0.214	0.236	0.012	2400	15.0	_	_	676.2
0.20	± 0.008	0.224	0.246	0.012	2400	15.0		_	607.6
0.21	± 0.008	0.234	0.256	0.012	2400	15.0			549.0
0.22	± 0.008	0.244	0.266	0.012	2400	15.0	-		498.4
0.23	± 0.008	0.256	0.278	0.013	2400	15.0	-		454.5
0.24	± 0.008	0.266	0.288	0.013	2400	15.0	-		416.2
0.25	± 0.008	0.276	0.298	0.013	2400	15.0	-		382.5
0.25	± 0.010	0.286	0.270	0.013	2400	15.0	- 3.52	3.03	358.4
0.20	± 0.010	0.296	0.320	0.013	2400	15.0	3.52	3.03	331.4
0.27	± 0.010	0.306	0.330	0.013	2400	15.0	3.57	3.03	307.3
0.29	± 0.010	0.316	0.340	0.013	2400	20.0	3.57	3.08	285.7
0.30	± 0.010	0.328	0.352	0.014	2800	20.0	3.87	3.33	262.9
0.32	± 0.010	0.348	0.372	0.014	2800	20.0	3.92	3.33	230.0
0.35	± 0.010	0.378	0.402	0.014	2800	20.0	3.96	3.38	191.2
0.37	± 0.010	0.398	0.424	0.014	2800	20.0	4.01	3.43	170.6
0.40	± 0.010	0.430	0.456	0.015	2800	20.0	4.36	3.72	145.3
0.45	± 0.010	0.482	0.508	0.016	2800	20.0	4.70	4.01	114.2
0.50	± 0.010	0.534	0.560	0.017	3050	20.0	5.09	4.36	91.43
0.55	± 0.020	0.584	0.620	0.017	3050	20.0	5.14	4.41	78.15
0.60	± 0.020	0.634	0.672	0.017	3050	20.0	5.24	4.45	65.26
0.65	± 0.020	0.686	0.724	0.018	3050	20.0	5.58	4.75	55.31
0.70	± 0.020	0.738	0.776	0.019	3050	20.0	5.97	5.09	47.47
0.75	± 0.020	0.790	0.830	0.020	3400	20.0	6.37	5.39	41.19
0.80	± 0.020	0.842	0.882	0.021	3400	25.0	6.71	5.73	36.08
0.85	± 0.020	0.894	0.934	0.022	3400	25.0	7.10	6.02	31.87
0.90	± 0.020	0.946	0.986	0.023	3400	25.0	7.49	6.37	28.35
0.95	± 0.020	0.998	1.038	0.024	3400	25.0	7.88	6.66	25.38
1.00	± 0.030	1.050	1.102	0.025	3400	25.0	8.28	7.00	23.33
1.10	± 0.030	1.152	1.204	0.026	4150	25.0	8.67	7.39	19.17
1.20	± 0.030	1.252	1.304	0.026	4150	25.0	8.82	7.44	16.04
1.30	± 0.030	1.354	1.408	0.027	4150	25.0	9.21	7.84	13.61
1.40	± 0.030	1.454	1.508	0.027	4150	25.0	9.31	7.88	11.70
1.45	± 0.030	1.506	1.562	0.028	4150	25.0	9.53	8.05	10.93
1.40	± 0.030	1.556	1.612	0.028	4150	25.0	9.75	8.23	10.16
1.55	± 0.030	1.606	1.662	0.028	4150	25.0	9.79	8.28	9.533
1.60	± 0.030	1.656	1.002	0.028	4150	25.0	9.79	8.33	8.906
1.65	± 0.030	1.708	1.712	0.028	4150	25.0	10.02	8.50	8.388
1.70	± 0.030	1.758	1.814	0.029	4.350	25.0	10.20	8.67	7.871
1.75	± 0.030	1.808	1.864	0.029	4.350	25.0	10.25	8.69	7.318
1.80	± 0.030	1.858	1.914	0.029	4.350	25.0	10.30	8.72	7.007
1.85	± 0.030	1.910	1.966	0.030	4.350	25.0	10.50	8.89	6.627
1.90	± 0.030	1.960	2.018	0.030	4.350	25.0	10.70	9.06	6.278
1.95	± 0.030	2.010	2.068	0.030	1.350	25.0	10.75	9.11	5.955
2.00	± 0.030	2.060	2.118	0.030	4.350	30.0	10.80	9.16	5.656
2.10	± 0.030	2.162	2.220	0.031	4.350	30.0	11.20	9.50	5.123
2.20	± 0.030	2.264	2.322	0.032	4.350	30.0	11.60	9.84	4.662
2.30	± 0.030	2.364	2.422	0.032	4.350	30.0	11.70	9.89	4.260
2.40	± 0.030	2.466	2.526	0.033	4.350	30.0	12.10	10.20	3.908
2.50	± 0.030	2.568	2.628	0.034	4.350	30.0	12.50	10.60	3.598



**@ 16** 



### BẢNG TIÊU CHUẨN SẢN PHẨM DÂY ĐỒNG TRÒN TRÁNG MEN UEW LOẠI 1

ÐK Ruôt		ÐK ngo	ài (mm)	Độ dày	Điện áp		Tải trọng m	ài mòn N	Điên trở ở
dẫn (mm)	Sai số ĐK ruột (mm)	Min.	Max.	lớp mạ Min. (mm)	đánh thủng Min. (V)	Dãn dài Min. (%)	Avg	Min	20°C Max. (Ω/km)
0.10	± 0.008	0.118	0.140	0.009	2000	15.0	_	_	2647
0.11	± 0.008	0.128	0.150	0.009	2000	15.0	_	_	2153
0.12	± 0.008	0.140	0.162	0.010	2200	15.0	_	_	1786
0.13	± 0.008	0.150	0.172	0.010	2200	15.0	_	_	1505
0.14	± 0.008	0.160	0.182	0.010	2200	15.0	_	_	1286
0.15	± 0.008	0.170	0.192	0.010	2200	15.0	_	_	1111
0.16	± 0.008	0.182	0.204	0.011	2200	15.0	_	_	969.5
0.17	± 0.008	0.192	0.214	0.011	2200	15.0	_	_	853.5
0.18	± 0.008	0.204	0.226	0.012	2400	15.0	_	_	757.2
0.19	± 0.008	0.214	0.236	0.012	2400	15.0	_	_	676.2
0.20	± 0.008	0.224	0.246	0.012	2400	15.0	_	_	607.6
0.21	± 0.008	0.234	0.256	0.012	2400	15.0	_	_	549.0
0.22	± 0.008	0.244	0.266	0.012	2400	15.0	_	_	498.4
0.23	± 0.008	0.256	0.278	0.013	2400	15.0	_	_	454.5
0.24	± 0.008	0.266	0.288	0.013	2400	15.0	_	_	416.2
0.25	± 0.008	0.276	0.298	0.013	2400	15.0	_	_	382.5
0.26	± 0.010	0.286	0.310	0.013	2400	15.0	3.38 { 345 }	2.89{ 295 }	358.4
0.27	± 0.010	0.296	0.320	0.013	2400	15.0	3.38 { 345 }	2.89{ 295 }	331.4
0.28	± 0.010	0.306	0.330	0.013	2400	15.0	3.43 { 350}	2.89{ 295 }	307.3
0.29	± 0.010	0.316	0.340	0.013	2400	20.0	3.43 { 350}	2.94 { 300}	285.7
0.30	± 0.010	0.328	0.352	0.014	2800	20.0	3.72 { 380}	3.13 { 320}	262.9
0.32	± 0.010	0.348	0.372	0.014	2800	20.0	3.77 { 385}	3.18 { 325}	230.0
0.35	± 0.010	0.378	0.402	0.014	2800	20.0	3.82 { 390}	3.23 { 330}	191.2
0.37	± 0.010	0.398	0.424	0.014	2800	20.0	3.87 { 395}	3.28 { 335}	170.6
0.40	± 0.010	0.430	0.456	0.015	2800	20.0	4.16 { 425}	3.52 { 360}	145.3
0.45	± 0.010	0.482	0.508	0.016	2800	20.0	4.55 { 465}	3.82 { 390}	114.2
0.50	± 0.010	0.534	0.560	0.017	3050	20.0	4.90 { 500}	4.16 { 425}	91.43
0.55	± 0.020	0.584	0.620	0.017	3050	20.0	4.99 { 510}	4.21 { 430}	78.15
0.60	± 0.020	0.634	0.672	0.017	3050	20.0	5.04 { 515}	4.26 { 435}	65.26
0.65	± 0.020	0.686	0.724	0.018	3050	20.0	5.39 { 550}	4.55 { 465}	55.31
0.70	± 0.020	0.738	0.776	0.019	3050	20.0	5.78 { 590}	4.85 { 495}	47.47
0.75	± 0.020	0.790	0.830	0.020	3400	20.0	6.12 { 625}	5.14 { 525}	41.19
0.80	± 0.020	0.842	0.882	0.021	3400	25.0	6.51 { 655}	5.48 { 560}	36.08
0.85	± 0.020	0.894	0.934	0.022	3400	25.0	6.86 { 700}	5.78 { 590}	31.87
0.90	± 0.020	0.946	0.986	0.023	3400	25.0	7.25 {740}	6.07 { 620}	28.35
0.95	± 0.020	0.998	1.038	0.024	3400	25.0	7.59 { 775}	6.41 { 655}	25.38
1.00	± 0.030	1.050	1.102	0.025	3400	25.0	7.98 { 815}	6.71 { 685}	23.33
1.10	± 0.030	1.152	1.204	0.026	4150	25.0	8.42 { 860}	7.05 { 720}	19.17
1.20	± 0.030	1.252	1.304	0.026	4150	25.0	8.52 { 870}	7.15 { 730}	16.04
1.30	± 0.030	1.354	1.408	0.027	4150	25.0	8.91 { 910}	7.49 { 765}	13.61
1.40	± 0.030	1.454	1.508	0.027	4150	25.0	9.01 { 920}	7.54 { 770}	11.70
1.50	± 0.030	1.556	1.612	0.028	4150	25.0	9.45 { 965}	7.93 { 810}	10.16

#### BẢNG TIÊU CHUẨN SẢN PHẨM DÂY ĐỒNG TRÒN TRÁNG MEN PEW, EIW, AIW, EI-AIW LOẠI 2

100		ĐK ngo	ài (mm)		Điện áp		Tải trong (	mài mòn N	
ĐK Ruột	Sai số ĐK	Dictigo		Độ dày lớp mạ	đánh	Dãn dài	i di ci și îg î		<ul> <li>Điện trở ở</li> <li>20°C Max.</li> </ul>
dẫn (mm)	ruột (mm)	Min.	Max.	Min. (mm)	thủng Min. (V)	Min. (%)	Avg	Min	$(\Omega/km)$
0.06	± 0.003	0.068	0.081	0.004	950	10.0	_/////		6966
0.07	± 0.003	0.078	0.091	0.004	950	10.0			4990
0.08	± 0.003	0.090	0.103	0.005	1100	10.0	Sec	_	3778
0.09	± 0.003	0.100	0.113	0.005	1100	10.0		_	2959
0.10	± 0.003	0.110	0.125	0.005	1100	15.0	\\\\\ <u>+</u>		2381
0.11	± 0.003	0.120	0.135	0.005	1100	15.0			1957
0.12	± 0.003	0.132	0.147	0.006	1300	15.0	_	_	1636
0.13	± 0.003	0.142	0.157	0.006	1300	15.0	_	_	1389
0.14	± 0.003	0.152	0.167	0.006	1300	15.0	_	_	1193
0.15	± 0.003	0.162	0.177	0.006	1300	15.0	_	- 2000	1037
0.16	± 0.003	0.174	0.189	0.007	1300	15.0	_	_ 2	908.8
0.17	± 0.003	0.184	0.199	0.007	1300	15.0	_	_ 2	803.2
0.18	± 0.003	0.196	0.211	0.008	1600	15.0	_	_	715.0
0.19	± 0.003	0.206	0.221	0.008	1600	15.0	_	_	640.6
0.20	± 0.003	0.216	0.231	0.008	1600	15.0	_	_	577.2
0.21	± 0.003	0.226	0.241	0.008	1600	15.0	_	_	522.8
0.22	± 0.004	0.236	0.252	0.008	1600	15.0	_	_	480.1
0.23	± 0.004	0.248	0.264	0.009	1600	15.0	_	_	438.6
0.24	± 0.004	0.258	0.274	0.009	1600	15.0	_	_	402.2
0.25	± 0.004	0.268	0.284	0.009	1600	15.0	_	_	370.2
0.26	± 0.004	0.278	0.294	0.009	1600	15.0	2.40	2.10	341.8
0.27	± 0.004	0.288	0.304	0.009	1600	15.0	2.45	2.10	316.6
0.28	± 0.004	0.298	0.314	0.009	1600	15.0	2.45	2.10	294.1
0.29	± 0.004	0.308	0.324	0.009	1600	20.0	2.45	2.10	273.9
0.30	± 0.005	0.320	0.337	0.010	2000	20.0	2.74	2.35	254.0
0.32	± 0.005	0.340	0.357	0.010	2000	20.0	2.79	2.40	222.8
0.35	± 0.005	0.370	0.387	0.010	2000	20.0	2.84	2.40	185.7
0.37	± 0.005	0.390	0.407	0.010	2000	20.0	2.84	2.45	165.9
0.40	± 0.005	0.422	0.439	0.011	2000	20.0	3.18	2.69	141.7
0.45	± 0.006	0.472	0.490	0.011	2000	20.0	3.23	2.74	112.1
0.50	± 0.006	0.524	0.542	0.012	2150	20.0	3.57	3.03	89.95
0.55	± 0.006	0.574	0.592	0.012	2150	20.0	3.62	3.08	74.18
0.60	± 0.008	0.624	0.644	0.012	2150	20.0	3.67	3.13	62.64
0.65	± 0.008	0.674	0.694	0.012	2150	20.0	3.72	3.18	53.26
0.70	± 0.008	0.726	0.746	0.013	2150	20.0	4.06	3.47	45.84
0.75	± 0.008	0.778	0.798	0.014	2400	20.0	4.45	3.77	39.87
0.80	± 0.010	0.830	0.852	0.015	2400	25.0	4.80	4.06	35.17
0.85	± 0.010	0.880	0.904	0.015	2400	25.0	4.85	4.11	31.11
0.90	± 0.010	0.932	0.956	0.016	2400	25.0	5.19	4.41	27.71
0.95	± 0.010	0.984	1.008	0.017	2400	25.0	5.58	4.70	24.84
1.00	± 0.012	1.034	1.062	0.017	2400	25.0	5.58	4.75	22.49

\* Áp dụng theo tiêu chuẩn KS C 3107





### BẢNG TIÊU CHUẨN SẢN PHẨM DÂY ĐỒNG TRÒN TRÁNG MEN UEW LOẠI 2

And Delivery of								238711111	
ĐK Ruột	Sai số ĐK	ĐK ngo	ài (mm)	Độ dày	Điện áp đánh	Dãn dài	Tải trọng n	nài mòn N	Điện trở ở
dẫn (mm)	ruột (mm)	Min.	Max.	lớp mạ Min. (mm)	thủng Min. (V)	Min. (%)	Avg	Min	20°C Max. (Ω/km)
0.08	± 0.003	0.090	0.103	0.005	1100	10.0	_	_	3778
0.09	± 0.003	0.100	0.113	0.005	1100	10.0	_	_	2959
0.10	± 0.003	0.110	0.125	0.005	1100	15.0	_	_	2381
0.11	± 0.003	0.120	0.135	0.005	1100	15.0	_	_	1957
0.12	± 0.003	0.132	0.147	0.006	1300	15.0	_	_	1636
0.13	± 0.003	0.142	0.157	0.006	1300	15.0	_	_	1389
0.14	± 0.003	0.152	0.167	0.006	1300	15.0	_	_	1193
0.15	± 0.003	0.162	0.177	0.006	1300	15.0	_	_	1037
0.16	± 0.003	0.174	0.189	0.007	1300	15.0	-	_	908.8
0.17	± 0.003	0.184	0.199	0.007	1300	15.0	_	_	803.2
0.18	± 0.003	0.196	0.211	0.008	1600	15.0		_	715.0
0.19	± 0.003	0.206	0.221	0.008	1600	15.0	_	_	640.6
0.20	± 0.003	0.216	0.231	0.008	1600	15.0	_	_	577.2
0.21	± 0.003	0.226	0.241	0.008	1600	15.0	-	_	522.8
0.22	± 0.004	0.236	0.252	0.008	1600	15.0		_	480.1
0.23	± 0.004	0.248	0.264	0.009	1600	15.0		_	438.6
0.24	± 0.004	0.258	0.274	0.009	1600	15.0	_	_	402.2
0.25	± 0.004	0.268	0.284	0.009	1600	15.0	-	_	370.2
0.26	± 0.004	0.278	0.294	0.009	1600	15.0	2.35	1.96	341.8
0.27	± 0.004	0.288	0.304	0.009	1600	15.0	2.35	2.00	316.6
0.28	± 0.004	0.298	0.314	0.009	1600	15.0	2.35	2.00	294.1
0.29	± 0.004	0.308	0.324	0.009	1600	20.0	2.35	2.00	273.9
0.30	± 0.005	0.320	0.337	0.010	2000	20.0	2.64	2.25	254.0
0.32	± 0.005	0.340	0.357	0.010	2000	20.0	2.69	2.25	222.8
0.35	± 0.005	0.370	0.387	0.010	2000	20.0	2.74	2.30	185.7
0.37	± 0.005	0.390	0.407	0.010	2000	20.0	2.74	2.30	165.9
0.40	± 0.005	0.422	0.439	0.011	2000	20.0	3.03	2.59	141.7
0.45	± 0.006	0.472	0.490	0.011	2000	20.0	3.13	2.64	112.1
0.50	± 0.006	0.524	0.542	0.012	2150	20.0	3.47	2.94	89.95
0.55	± 0.006	0.574	0.592	0.012	2150	20.0	3.52	2.94	74.18
0.60	± 0.008	0.624	0.644	0.012	2150	20.0	3.52	2.98	62.64
0.65	± 0.008	0.674	0.694	0.012	2150	20.0	3.57	3.03	53.26
0.70	± 0.008	0.726	0.746	0.013	2150	20.0	3.92	3.33	45.84
0.75	± 0.008	0.778	0.798	0.014	2400	20.0	4.26	3.62	39.87
0.80	± 0.010	0.830	0.852	0.015	2400	25.0	4.65	3.92	35.17
0.85	± 0.010	0.880	0.904	0.015	2400	25.0	4.65	3.92	31.11
0.90	± 0.010	0.932	0.956	0.016	2400	25.0	5.04	4.21	27.71
0.95	± 0.010	0.984	1.008	0.017	2400	25.0	5.39	4.50	24.84
1.00	± 0.012	1.034	1.062	0.017	2400	25.0	5.43	4.55	22.49

\* Áp dụng theo tiêu chuẩn KS C 3107

**@ 20** 

# Thiết bị kiểm tra





# DÂY ĐIỆN TỪ TRÁNG MEN



1. Dây tráng men POLYURETHANE				
Mã hiệu	UEW			
Tiêu chuẩn	KS C 3006 & 3107 (Korea), IEC60317, NEMA			
Chứng nhận	UL, SGS			
Cấp nhiệt	(125-130-155-180°C)			
Đặc tính	Hàn được, sử dụng ở tần số cao			
Ứng dụng	Quạt điện, đồng hồ đo, thiết bị, linh kiện điện tử			

2. Dây tráng men POLYESTER				
Mã hiệu	PEW			
Tiêu chuẩn	KS C 3006 & 3107 (Korea), IEC60317, NEMA			
Chứng nhận	UL, SGS			
Cấp nhiệt	(180-200°C)			
Đặc tính	Hoạt động liên tục ở nhiệt độ cao, kháng dung môi tốt.			
Ứng dụng	Động cơ, dụng cụ máy			

3. Dây tráng men Poly-imide				
Mã hiệu	EIW			
Tiêu chuẩn	KS C 3006 & 3107 (Korea), IEC60317, NEMA			
Chứng nhận	UL, SGS			
Cấp nhiệt	(180-200°C)			
Đặc tính	Hoạt động liên tục ở nhiệt độ cao, Chịu xung nhiệt,dầu biến thế			
Ứng dụng	Động cơ, chấn lưu, cuộn dây, biến thế ngâm dầu			

4. Dây tráng men Poly-amide					
Mã hiệu	AIW				
Tiêu chuẩn	KS C 3006 & 3107 (Korea), IEC60317, NEMA				
Chứng nhận	UL, SGS				
Cấp nhiệt	200-220°C				
Đặc tính	Hoạt động tốt ở nhiệt độ cao, chịu mài <mark>mòn rất tố</mark> t				
Ứng dụng	Động cơ máy , thiết bị điện,cuộn dây				

5. Dây tráng men 2 lớp Poly-imide-amide				
Mã hiệu	EI-AIW			
Tiêu chuẩn	KS C 3006 & 3107 (Korea), IEC60317, NEMA			
Chứng nhận	UL, SGS			
Cấp nhiệt	200-220°C			
Đặc tính	Chịu dầu tốt, chịu nhiệt độ cao tốt,chịu điều kiện khắc nghiệt tốt			
Ứng dụng	Biến thế, máy lạnh, tủ lạnh ,động cơ công suất cao			

Ngoài các sản phẩm trong bảng, các sản phẩm khác cũng được sản xuất theo yêu cầu tiêu chuẩn và quy cách của khách hàng



## UL Product iQ®

#### 4

E336071

## OBMW2.E336071 - Magnet Wire - Component

## Magnet Wire - Component

KOREA COPPER TECH VIETNAM CO LTD

Dong van industrial zone I, Dong Van ward,Duy tien Town Ha Nam province, Vietnam

Material Designation	Mark Dsg	Base Coat	Top Coat	ANSI Type	Temp Class
EI-AIW	EI-AIW	Polyester-imide	Polyamide-imide	MW 37C	220
		Polyester-imide	Polyamide-imide	MW 35C	200[#]
		Polyester-imide	Polyamide-imide	MW 73C	200[#]
PEW	PEW	Polyester	-	MW 74C	200
		Polyester	1	MW 30C	180[#]
		Polyester	1.75	MW 5C	155[#]
UEW, UEW/130	UEW, UEW/130	Polyurethane	3527	MW 75C	130[#]
UEW, UEW/155	UEW, UEW/155	Polyurethane	127	MW 79C	155

[#] - The magnet wire may perform better than the rating reflects and may not be suitable for insulation system, varnish or end-product testing. Further consideration is necessary prior to its use in testing.

Marking: Company name, material designation Or marked designation and the Recognized Component Mark, **Solution** On the shipping spool label Or smallest unit container In which the product Is packaged.

Last Updated on 2021-07-29

The appearance of a company's name or product in this database does not in itself assure that products so identified have been manufactured under UL's Follow-Up Service. Only those products bearing the UL Mark should be considered to be Certified and covered under UL's Follow-Up Service. Always look for the Mark on the product.

UL permits the reproduction of the material contained in the Online Certification Directory subject to the following conditions: 1. The Guide Information, Assemblies, Constructions, Designs, Systems, and/or Certifications (files) must be presented in their entirety and in a non-misleading manner, without any manipulation of the data (or drawings). 2. The statement "Reprinted from the Online Certifications Directory with permission from UL" must appear adjacent to the extracted material. In addition, the reprinted material must include a copyright notice in the following format: "© 2022 UL LLC"









No. VNHL2402003563EE

Date: February 23, 2024

Page 1 of 23

¢

### CONG TY TNHH DONG KY THUAT KOREA VIET NAM/ KOREA COPPER TECH VIET NAM CO., LTD

KHU CONG NGHIEP DONG VAN I, PHUONG DONG VAN, THI XA DUY TIEN, TINH HA NAM, VIET NAM./ DONG VAN INDUSTRIAL ZONE I – DUY TIEN DISTRICT – HA NAM PROVINCE – VIET NAM.

The following sample was submitted and identified on behalf of the client as below:

SGS Job No.	:	VNHL2402003563EE
	-	

Sample Description : PLEASE REFER TO NEXT PAGE(S).

The above sample(s) and information were provided by the client.

-----

Sample Receiving Date	:	FEBRUARY 19, 2024
Final confirmed Date	:	FEBRUARY 19, 2024
Testing Period	:	FEBRUARY 19, 2024 TO FEBRUARY 23, 2024
Test Requested	:	SELECTED TEST(S) AS REQUESTED BY THE CLIENT.
Test method(s)	:	PLEASE REFER TO NEXT PAGE(S).
Test result(s)	:	PLEASE REFER TO NEXT PAGE(S).
Result Summary	:	PLEASE REFER TO NEXT PAGE(S).

Signed for and on behalf of SGS Vietnam LTD

Thay mắt công SGS am

**Ton Thien Thuy Hang** Connectivity SBU Manager



This document is issued by the Company subject to its General Conditions of Service printed overleaf, available on request or accessible at <u>https://www.sgs.com/en-vn/terms-and-conditions</u> and, for electronic format documents, subject to Terms and Conditions for Electronic Documents at <u>http://www.sgs.com/en/Terms-and-Conditions/Terms-e-Document.aspx</u>.

Attention is drawn to the limitations of liability, indemnification and jurisdiction issues defined therein. Any holder of this document is advised that information contained hereon reflects the Company's findings at the time of its intervention only and within the limits of Client's instructions, if any. The Company's sole responsibility is to its Client and this document does not exonerate parties to a transaction from exercising all their rights and obligations under the transaction documents. This document cannot be reproduced except in full, without prior written approval of the Company. Any unauthorized alteration, forgery or falsification of the content or appearance of this document is unlawful and offenders may be prosecuted to the fullest extent of the law.

Unless otherwise stated the results shown in this test report refer only to the sample(s) tested and such sample(s) are retained for 90 days only.

SGS Vietnam Ltd









Test Report No. VNHL2402003565EE Date: February 23, 2024 Page 1 of 23

#### CONG TY TNHH DONG KY THUAT KOREA VIET NAM/ KOREA COPPER TECH VIET NAM CO., LTD

KHU CONG NGHIEP DONG VAN I, PHUONG DONG VAN, THI XA DUY TIEN, TINH HA NAM, VIET NAM./ DONG VAN INDUSTRIAL ZONE I – DUY TIEN DISTRICT – HA NAM PROVINCE – VIET NAM. The following sample was submitted and identified on behalf of the client as below:

SGS Job No.	•	VNHL2402003565EE
	-	

Sample Description : PLEASE REFER TO NEXT PAGE(S).

The above sample(s) and information were provided by the client.

-----

Sample Receiving Date	:	FEBRUARY 19, 2024
Final confirmed Date	:	FEBRUARY 19, 2024
Testing Period	:	FEBRUARY 19, 2024 TO FEBRUARY 23, 2024
Test Requested	:	SELECTED TEST(S) AS REQUESTED BY THE CLIENT.
Test method(s)	:	PLEASE REFER TO NEXT PAGE(S).
Test result(s)	:	PLEASE REFER TO NEXT PAGE(S).
Result Summary	:	PLEASE REFER TO NEXT PAGE(S).

## Signed for and on behalf of SGS Vietnam LTD

Thay mặt công ham

Ton Thien Thuy Hang Connectivity SBU Manager



This document is issued by the Company subject to its General Conditions of Service printed overleaf, available on request or accessible at <u>https://www.sgs.com/en-vn/terms-and-conditions</u> and, for electronic format documents, subject to Terms and Conditions for Electronic Documents at <u>http://www.sgs.com/en/Terms-and-Conditions/Terms-e-Document.aspx</u>.

Attention is drawn to the limitations of liability, indemnification and jurisdiction issues defined therein. Any holder of this document is advised that information contained hereon reflects the Company's findings at the time of its intervention only and within the limits of Client's instructions, if any. The Company's sole responsibility is to its Client and this document does not exonerate parties to a transaction from exercising all their rights and obligations under the transaction documents. This document cannot be reproduced except in full, without prior written approval of the Company. Any unauthorized alteration, forgery or falsification of the content or appearance of this document is unlawful and offenders may be prosecuted to the fullest extent of the law.

Unless otherwise stated the results shown in this test report refer only to the sample(s) tested and such sample(s) are retained for 90 days only.

SGS Vietnam Ltd HCM Office: 198 Nguyen Thi Minh Khai St, District 3, Ho Chi Minh City, Vietnam t (84-28) 3935 1920 f (84-28) 3935 1921 www.sqs.com Hai Phong Branch: Workshop X11, Hai Thanh Workshop Area, Hai Thanh Ward, Duong Kinh District, Hai Phong City, Vietnam t (84-225) 355 2722 f (84-225) 355 2724

Member of the SGS Group (SGS SA)







No. VNHL2402003883EE

Bate: February 23, 2024

y 23, 2024 Page 1 of 23

This report is duplicated from report **No. VNHL2402003565EE** date February 23, 2024 with different client's information.

### CONG TY TNHH DONG KY THUAT KOREA VIET NAM/ KOREA COPPER TECH VIET NAM CO., LTD

KHU CONG NGHIEP DONG VAN I, PHUONG DONG VAN, THI XA DUY TIEN, TINH HA NAM, VIET NAM./ DONG VAN INDUSTRIAL ZONE I – DUY TIEN DISTRICT – HA NAM PROVINCE – VIET NAM. The following sample was submitted and identified on behalf of the client as below:

SGS Job No.	:	VNHL2402003883EE
Sample Description	:	PLEASE REFER TO NEXT PAGE(S).
The above sample(s) and info	rma	tion were provided by the client.
Sample Receiving Date	:	FEBRUARY 19, 2024

Sample Hossining Bate	
Final confirmed Date	: FEBRUARY 19, 2024
Testing Period	: FEBRUARY 19, 2024 TO FEBRUARY 23, 2024
Test Requested	: SELECTED TEST(S) AS REQUESTED BY THE CLIENT.
Test method(s)	: PLEASE REFER TO NEXT PAGE(S).
Test result(s)	: PLEASE REFER TO NEXT PAGE(S).
Result Summary	: PLEASE REFER TO NEXT PAGE(S).

## Signed for and on behalf of SGS Vietnam LTD

Thay mắt công SGS Viet am

Ton Thien Thuy Hang Connectivity SBU Manager



This document is issued by the Company subject to its General Conditions of Service printed overleaf, available on request or accessible at <u>https://www.sgs.com/en-vn/terms-and-conditions</u> and, for electronic format documents, subject to Terms and Conditions for Electronic Documents at http://www.sgs.com/en/Terms-and-Conditions/Terms-e-Document.aspx .

Attention is drawn to the limitations of liability, indemnification and jurisdiction issues defined therein. Any holder of this document is advised that information contained hereon reflects the Company's findings at the time of its intervention only and within the limits of Client's instructions, if any. The Company's sole responsibility is to its Client and this document does not exonerate parties to a transaction from exercising all their rights and obligations under the transaction documents. This document cannot be reproduced except in full, without prior written approval of the Company. Any unauthorized alteration, forgery or falsification of the content or appearance of this document is unlawful and offenders may be prosecuted to the fullest extent of the law.

Unless otherwise stated the results shown in this test report refer only to the sample(s) tested and such sample(s) are retained for 90 days only.

SGS Vietnam Ltd





No. VNHL2402003562EE

Date: February 23, 2024

Page 1 of 23

### CONG TY TNHH DONG KY THUAT KOREA VIET NAM/ KOREA COPPER TECH VIET NAM CO., LTD

KHU CONG NGHIEP DONG VAN I, PHUONG DONG VAN, THI XA DUY TIEN, TINH HA NAM, VIET NAM./ DONG VAN INDUSTRIAL ZONE I – DUY TIEN DISTRICT – HA NAM PROVINCE – VIET NAM.

The following sample was submitted and identified on behalf of the client as below:

SGS Job No. : VNHL2402003562EE

Sample Description : PLEASE REFER TO NEXT PAGE(S).

The above sample(s) and information were provided by the client.

Sample Receiving Date	: FEBRUARY 19, 2024	
Final confirmed Date	: FEBRUARY 19, 2024	
Testing Period	: FEBRUARY 19, 2024 TO FEBRUARY 23, 2024	
Test Requested	: SELECTED TEST(S) AS REQUESTED BY THE CLIENT.	
Test method(s)	: PLEASE REFER TO NEXT PAGE(S).	
Test result(s)	: PLEASE REFER TO NEXT PAGE(S).	
Result Summary	: PLEASE REFER TO NEXT PAGE(S).	

Signed for and on behalf of SGS Vietnam LTD

av måt công

Ton Thien Thuy Hang Connectivity SBU Manager



This document is issued by the Company subject to its General Conditions of Service printed overleaf, available on request or accessible at <u>https://www.sgs.com/en-vn/terms-and-conditions</u> and, for electronic format documents, subject to Terms and Conditions for Electronic Documents at <u>http://www.sgs.com/en/Terms-and-Conditions/Terms-e-Document.aspx</u>.

Attention is drawn to the limitations of liability, indemnification and jurisdiction issues defined therein. Any holder of this document is advised that information contained hereon reflects the Company's findings at the time of its intervention only and within the limits of Client's instructions, if any. The Company's sole responsibility is to its Client and this document does not exonerate parties to a transaction from exercising all their rights and obligations under the transaction documents. This document cannot be reproduced except in full, without prior written approval of the Company. Any unauthorized alteration, forgery or falsification of the content or appearance of this document is unlawful and offenders may be prosecuted to the fullest extent of the law.

Unless otherwise stated the results shown in this test report refer only to the sample(s) tested and such sample(s) are retained for 90 days only.







No. VNHL2402003561EE

Date: February 23, 2024

Page 1 of 23

### CONG TY TNHH DONG KY THUAT KOREA VIET NAM/ KOREA COPPER TECH VIET NAM CO., LTD

KHU CONG NGHIEP DONG VAN I, PHUONG DONG VAN, THI XA DUY TIEN, TINH HA NAM, VIET NAM./ DONG VAN INDUSTRIAL ZONE I – DUY TIEN DISTRICT – HA NAM PROVINCE – VIET NAM.

The following sample was submitted and identified on behalf of the client as below:

SGS Job No.	:	VNHL2402003561EE	
Sample Description	:	PLEASE REFER TO NEXT PAGE(S).	

The above sample(s) and information were provided by the client.

------

Sample Receiving Date	:	FEBRUARY 19, 2024
Final confirmed Date	:	FEBRUARY 19, 2024
Testing Period	:	FEBRUARY 19, 2024 TO FEBRUARY 23, 2024
Test Requested	:	SELECTED TEST(S) AS REQUESTED BY THE CLIENT.
Test method(s)	:	PLEASE REFER TO NEXT PAGE(S).
Test result(s)	:	PLEASE REFER TO NEXT PAGE(S).
Result Summary	:	PLEASE REFER TO NEXT PAGE(S).

## Signed for and on behalf of SGS Vietnam LTD

Thay mặt công SGS V am

Ton Thien Thuy Hang Connectivity SBU Manager



This document is issued by the Company subject to its General Conditions of Service printed overleaf, available on request or accessible at <u>https://www.sgs.com/en-vn/terms-and-conditions</u> and, for electronic format documents, subject to Terms and Conditions for Electronic Documents at http://www.sgs.com/en/Terms-and-Conditions/Terms-e-Document.aspx.

Attention is drawn to the limitations of liability, indemnification and jurisdiction issues defined therein. Any holder of this document is advised that information contained hereon reflects the Company's findings at the time of its intervention only and within the limits of Client's instructions, if any. The Company's sole responsibility is to its Client and this document does not exonerate parties to a transaction from exercising all their rights and obligations under the transaction documents. This document cannot be reproduced except in full, without prior written approval of the Company. Any unauthorized alteration, forgery or falsification of the content or appearance of this document is unlawful and offenders may be prosecuted to the fullest extent of the law.

Unless otherwise stated the results shown in this test report refer only to the sample(s) tested and such sample(s) are retained for 90 days only.





No. VNHL2402003560EE

Date: February 23, 2024

Page 1 of 22

### CONG TY TNHH DONG KY THUAT KOREA VIET NAM/ KOREA COPPER TECH VIET NAM CO., LTD

KHU CONG NGHIEP DONG VAN I, PHUONG DONG VAN, THI XA DUY TIEN, TINH HA NAM, VIET NAM./ DONG VAN INDUSTRIAL ZONE I – DUY TIEN DISTRICT – HA NAM PROVINCE – VIET NAM. The following sample was submitted and identified on behalf of the client as below:

SGS Job No. : VNHL2402003560EE

Sample Description : PLEASE REFER TO NEXT PAGE(S).

The above sample(s) and information were provided by the client.

\_\_\_\_\_

Sample Receiving Date	:	FEBRUARY 19, 2024
Final confirmed Date	:	FEBRUARY 19, 2024
Testing Period	:	FEBRUARY 19, 2024 TO FEBRUARY 23, 2024
Test Requested	:	SELECTED TEST(S) AS REQUESTED BY THE CLIENT.
Test method(s)	:	PLEASE REFER TO NEXT PAGE(S).
Test result(s)	:	PLEASE REFER TO NEXT PAGE(S).
Result Summary	:	PLEASE REFER TO NEXT PAGE(S).

## Signed for and on behalf of SGS Vietnam LTD

av måt SGS Viet

Ton Thien Thuy Hang Connectivity SBU Manager



ABZV78MH

This document is issued by the Company subject to its General Conditions of Service printed overleaf, available on request or accessible at <u>https://www.sgs.com/en-vn/terms-and-conditions</u> and, for electronic format documents, subject to Terms and Conditions for Electronic Documents at <u>http://www.sgs.com/en/Terms-and-Conditions/Terms-e-Document.aspx</u>.

Attention is drawn to the limitations of liability, indemnification and jurisdiction issues defined therein. Any holder of this document is advised that information contained hereon reflects the Company's findings at the time of its intervention only and within the limits of Client's instructions, if any. The Company's sole responsibility is to its Client and this document does not exonerate parties to a transaction from exercising all their rights and obligations under the transaction documents. This document cannot be reproduced except in full, without prior written approval of the Company. Any unauthorized alteration, forgery or falsification of the content or appearance of this document is unlawful and offenders may be prosecuted to the fullest extent of the law.

Unless otherwise stated the results shown in this test report refer only to the sample(s) tested and such sample(s) are retained for 90 days only.









000 1-6 11-

No. VNHL2402003882EE

Date: February 23, 2024

Page 1 of 23

This report is duplicated from report No. VNHL2402003560EE date February 23, 2024 with different client's information.

### CONG TY TNHH DONG KY THUAT KOREA VIET NAM/ KOREA COPPER TECH VIET NAM CO., LTD

KHU CONG NGHIEP DONG VAN I, PHUONG DONG VAN, THI XA DUY TIEN, TINH HA NAM, VIET NAM./ DONG VAN INDUSTRIAL ZONE I - DUY TIEN DISTRICT - HA NAM PROVINCE - VIET NAM. The following sample was submitted and identified on behalf of the client as below:

SGS Job No.	:	VNHL2402003882EE
Sample Description	:	PLEASE REFER TO NEXT PAGE(S).
The above sample(s) and info	rma	ation were provided by the client.

Sample Receiving Date	: FEBRUARY 19, 2024	
Final confirmed Date	: FEBRUARY 19, 2024	
Testing Period	: FEBRUARY 19, 2024 TO FEBRUARY 23, 2024	
Test Requested	: SELECTED TEST(S) AS REQUESTED BY THE CLIENT.	
Test method(s)	: PLEASE REFER TO NEXT PAGE(S).	
Test result(s)	: PLEASE REFER TO NEXT PAGE(S).	
Result Summary	: PLEASE REFER TO NEXT PAGE(S).	

#### Signed for and on behalf of SGS Vietnam LTD

Thay mặt công am

Ton Thien Thuy Hang Connectivity SBU Manager



This document is issued by the Company subject to its General Conditions of Service printed overleaf, available on request or accessible at https://www.sgs.com/en-vn/terms-and-conditions and, for electronic format documents, subject to Terms and Conditions for Electronic Documents at http://www.sgs.com/en/Terms-and-Conditions/Terms-e-Document.aspx .

Attention is drawn to the limitations of liability, indemnification and jurisdiction issues defined therein. Any holder of this document is advised that information contained hereon reflects the Company's findings at the time of its intervention only and within the limits of Client's instructions, if any. The Company's sole responsibility is to its Client and this document does not exonerate parties to a transaction from exercising all their rights and obligations under the transaction documents. This document cannot be reproduced except in full, without prior written approval of the Company. Any unauthorized alteration, forgery or falsification of the content or appearance of this document is unlawful and offenders may be prosecuted to the fullest extent of the law.

Unless otherwise stated the results shown in this test report refer only to the sample(s) tested and such sample(s) are retained for 90 days only.







No. VNHL2402003572EE

Date: February 23, 2024

Page 1 of 22

### CONG TY TNHH DONG KY THUAT KOREA VIET NAM/ KOREA COPPER TECH VIET NAM CO., LTD

KHU CONG NGHIEP DONG VAN I, PHUONG DONG VAN, THI XA DUY TIEN, TINH HA NAM, VIET NAM./ DONG VAN INDUSTRIAL ZONE I – DUY TIEN DISTRICT – HA NAM PROVINCE – VIET NAM.

The following sample was submitted and identified on behalf of the client as below:

SGS Job No. : VNHL2402003572EE

Sample Description : PLEASE REFER TO NEXT PAGE(S).

The above sample(s) and information were provided by the client.

Sample Receiving Date	:	FEBRUARY 19, 2024
Final confirmed Date	:	FEBRUARY 19, 2024
Testing Period	:	FEBRUARY 19, 2024 TO FEBRUARY 23, 2024
Test Requested	:	SELECTED TEST(S) AS REQUESTED BY THE CLIENT.
Test method(s)	:	PLEASE REFER TO NEXT PAGE(S).
Test result(s)	:	PLEASE REFER TO NEXT PAGE(S).
Result Summary	:	PLEASE REFER TO NEXT PAGE(S).

Signed for and on behalf of SGS Vietnam LTD

av mát công

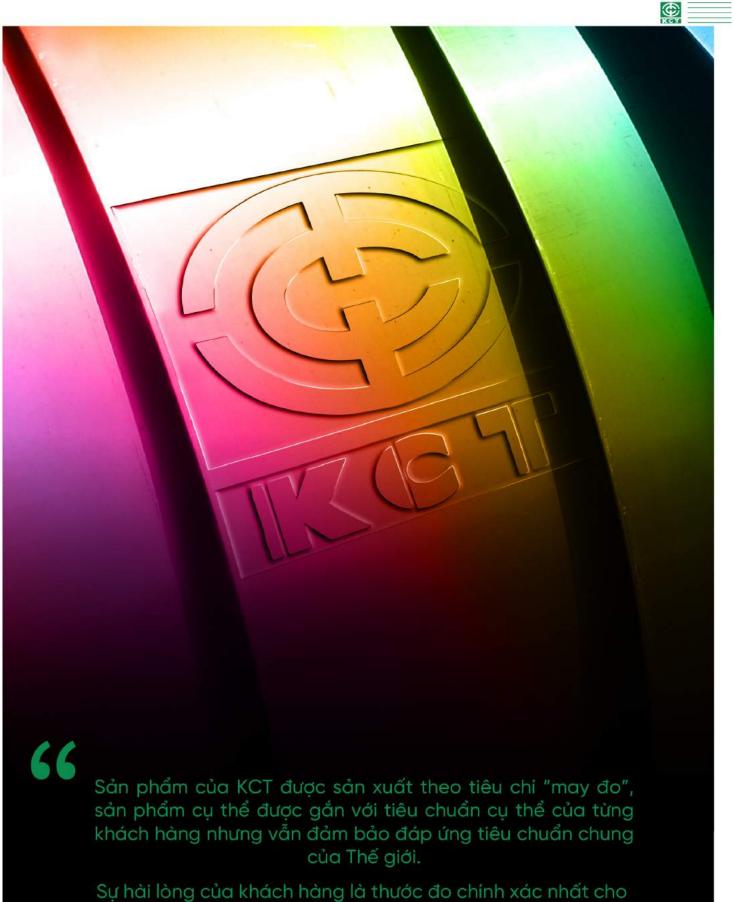
Ton Thien Thuy Hang Connectivity SBU Manager



This document is issued by the Company subject to its General Conditions of Service printed overleaf, available on request or accessible at <u>https://www.sgs.com/en-vn/terms-and-conditions</u> and, for electronic format documents, subject to Terms and Conditions for Electronic Documents at <u>http://www.sgs.com/en/Terms-and-Conditions/Terms-e-Document.aspx</u>.

Attention is drawn to the limitations of liability, indemnification and jurisdiction issues defined therein. Any holder of this document is advised that information contained hereon reflects the Company's findings at the time of its intervention only and within the limits of Client's instructions, if any. The Company's sole responsibility is to its Client and this document does not exonerate parties to a transaction from exercising all their rights and obligations under the transaction documents. This document cannot be reproduced except in full, without prior written approval of the Company. Any unauthorized alteration, forgery or falsification of the content or appearance of this document is unlawful and offenders may be prosecuted to the fullest extent of the law.

Unless otherwise stated the results shown in this test report refer only to the sample(s) tested and such sample(s) are retained for 90 days only.



chất lượng sản phẩm và dịch vụ KCT cung cấp.

7









Q

2

a

KCT [Công ty TNHH đồng kỹ thuật Korea Việt Nam]

Địa chỉ: Khu công nghiệp Đồng Văn I, phường Đồng Văn, thị xã Duy Tiên, tỉnh Hà Nam

Số điện thoại: 0226.3.577.001~6

Fax: 0226.3.577.007~8

KCT [Korea Copper Tech Vietnam Limited Company] Address: Dong Van Industrial Zone 1, Duy Tien District, Ha Nam province, Vietnam

Phone Number: +84 226 357 7001~6

Fax Number: +84 226 357 7007~8

2

Email: contacts@kctvina.vn

Hotline: 0987.000.777